

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao; mức chi tổ chức các giải thể thao và điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 11/2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 67/2008/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Sau khi xem xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Quy định chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao; mức chi tổ chức các giải thể thao và bổ sung Nghị quyết số 11/2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 90/BC-HĐND-VHXH ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**

1. Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao (kèm theo Phụ lục I).

2. Quy định mức chi tổ chức các giải thể thao (kèm theo Phụ lục II).

3. Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 2 về chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng trong các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật ban hành kèm theo số Nghị quyết 11/2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (kèm theo Phụ lục III).

4. Nguồn kinh phí: Chi từ kinh phí sự nghiệp văn hóa và thể dục thể thao được giao hàng năm, nguồn vận động tài trợ và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

**Điều 2.**

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.**

Bãi bỏ Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2010 về việc sửa đổi Nghị quyết số 21/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2012; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

**CHỦ TỊCH**

**(đã ký)**

**Nguyễn Hữu Lợi**

## PHỤ LỤC I

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐẠT THỦ ĐÓI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN THỂ THAO  
(Kèm theo Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
<b>I</b>	<b>Chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung, tập luyện</b>		
1	Đội tuyển thành phố	đồng/người/ngày	150
2	Đội tuyển trẻ thành phố	đồng/người/ngày	120
3	Đội tuyển năng khiếu cấp thành phố và quận, huyện	đồng/người/ngày	90
<b>II</b>	<b>Chế độ dinh dưỡng vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung thi đấu</b>		
1	Đội tuyển thành phố	đồng/người/ngày	200
2	Đội tuyển trẻ thành phố	đồng/người/ngày	150
3	Đội tuyển năng khiếu cấp thành phố và quận, huyện	đồng/người/ngày	150

## PHỤ LỤC II

CHẾ ĐỘ CHI TIÊU TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO  
(Kèm theo Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
I	<b>Các giải thi đấu cấp khu vực và thành phố trực thuộc Trung ương</b>			
1	Tiền ăn làm công tác chuẩn bị và tổ chức giải, tập huấn trọng tài			
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thành viên Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao</li><li>- Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu</li><li>- Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu</li></ul>	đồng/người/ngày	150	Bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu
2	Bồi dưỡng làm nhiệm vụ:			
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn</li></ul>	đồng/người/ngày	80	
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thành viên các tiểu ban chuyên môn;</li></ul>	đồng/người/ngày	60	
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giám sát, trọng tài chính</li></ul>	đồng/người/buổi	60	
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thư ký, trọng tài khác</li></ul>	đồng/người/buổi	50	
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Công an, y tế;</li></ul>	đồng/người/buổi	45	

	- Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	45	
3	Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn:	Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban Tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân, mức chi căn cứ Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút và Thông tư liên tịch số 21/2003/ TTLT-VHTT-BTC ngày 01/7/2003 của Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút cho một số tác phẩm được quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP của Chính phủ		
4	Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:			
	- Người tập:			
	+ Tập luyện:	đồng/người/buổi	30	
	+ Tổng duyệt:	đồng/người/buổi	40	Tối đa 2 buổi
	+ Chính thức	đồng/người/buổi	70	
	- Giáo viên quản lý, hướng dẫn	đồng/người/buổi	60	
II	Các giải thể thao cấp quận, huyện	Mức chi bằng 70% mức chi cấp thành phố		
III	Các giải thể thao cấp xã, phường, thị trấn	Mức chi bằng 50% mức chi cấp thành phố		

### PHỤ LỤC III

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHỤ LỤC 2 BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/2011/NQ-HĐND CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ VỀ CHẾ ĐỘ CHI NHUẬN BÚT, BỒI DƯỠNG TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA THÔNG TIN VÀ NGHỆ THUẬT

(Kèm theo Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Loại hình	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Cấp thành phố</b>			
II	Đạo diễn, dàn dựng, chỉ đạo nghệ thuật			
8	Chỉ đạo nghệ thuật; chịu trách nhiệm chương trình; chỉ huy tổ chức biểu diễn	Chương trình/người	600 - 1.000	Riêng chương trình lễ hội hưởng từ 15 - 20% của Tổng đạo diễn
III	Bồi dưỡng, biểu diễn và báo cáo chương trình			
1	Diễn viên (ca, múa, kịch)			
	Nghệ sĩ nhân dân	Buổi/người	500	
	Nghệ sĩ ưu tú	Buổi/người	400	
	Nghệ sĩ, diễn viên đã đạt huy chương vàng tại các kỳ hội thi, hội diễn	Buổi/người	300	
	Diễn viên khác	Buổi/người	100	
2	Nhạc công, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng	Buổi/người	150	
<b>B</b>	<b>Cấp quận, huyện</b>	Khi tham dự liên hoan, hội thi, hội diễn cấp thành phố trở lên được chi theo mức chi cấp thành phố (Riêng đối với thời gian tập dượt trước khi biểu diễn chi theo mức chi cấp quận, huyện)		
<b>C</b>	<b>Cấp xã, phường, thị trấn</b>	Khi tham dự liên hoan, hội thi, hội diễn cấp quận, huyện trở lên được chi theo mức chi cấp quận, huyện (Riêng đối với thời gian tập dượt trước khi biểu diễn chi theo mức chi cấp xã, phường, thị trấn)		